CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: CÔNG NGHỆ MAY

TT	Mã MH	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 13 Tín chỉ (Không tính học phần GDQP)							
Học phần bắt buộc			**13**				
1	234012	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5				
2	231178	Vẽ kỹ thuật ngành may	2				
3	231130	Vẽ mỹ thuật	2				
4	231131	Vật liệu may	2				
5	231042	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	2				
6	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
7	229100	Tin học	2				
Học kỳ 2: 20 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**18**				
8	222033	Toán ứng dụng A	3				
9	223006	Chính trị 1	3				
10	231156	Công nghệ may trang phục 1	5				
11	231124	Trang trí tạo dáng	2				
12	231025	Hệ thống cỡ số trang phục	2				
13	231166	Thiết kế trang phục cơ bản	3				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
14.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
14.2	234006	Bóng đá 1	2				
14.3	234007	Bóng rổ 1	2				
14.4	234008	Cầu lông 1	2				
14.5	234009	Aerobic 1	2				
Học phần tự chọn			**2**				
15.1	226035	Soạn thảo văn bản	2				
15.2	231016	Corel Draw	2				
15.3	222017	Tiếng Việt thực hành B	2				
Học kỳ 3: 20 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**16**				

16	223007	Chính trị 2	3				
17	224004/ 200002	Anh văn 2/Tiếng Nhật 2	3				
18	231145	Thực tập may quần áo cơ bản	4				
19	231174	Thực tập thiết kế trang phục cơ bản	2				
20	231167	Thiết kế trang phục cao cấp	2				
21	226020	Pháp luật đại cương	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
22.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
22.2	234010	Bóng đá 2	2				
22.3	234011	Bóng rổ 2	2				
22.4	234013	Cầu lông 2	2				
22.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn			**2**				
23.1	231070	An toàn & môi trường công nghiệp (Dệt may)	2				
23.2	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				
Học phần tự chọn			**2**				
24.1	231024	Giác sơ đồ	2				
24.2	231037	Quản lý chất lượng trang phục	2				
24.3	231160	Công nghệ Wash sản phẩm may	2				
Học kỳ 4: 16 Tín chỉ (không tính học phần Kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**14**				
25	224016/ 200003	Anh văn 3/Tiếng Nhật 3	3				
26	231180	Thực tập sản xuất	2				
27	231169	Thực tập may trang phục cao cấp 1	3				
28	231157	Công nghệ may trang phục 2	4				
29	231173	Thực tập thiết kế rập công nghiệp	2				
30	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
31.1	231046	Thiết kế dây chuyền sản xuất (May)	2				
31.2	231165	Sáng tác mẫu	2				
31.3	231148	Cải tiến năng suất	2				
Học kỳ 5: 16 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**16**				
32	224007/ 200004	Anh văn chuyên ngành (May) /Tiếng Nhật 4	2				
33	231020	Đồ án Công nghệ may trang phục	1				
34	231170	Thực tập may trang phục cao cấp 2	4				

35	231065	Thực tập tin học ứng dụng ngành may	2				
36	231067	Tổ chức và quản lý sản xuất may CN	2				
37	231179	Thực tập tốt nghiệp (May)	5				
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
Học phần tự chọn			**5**				
38.1	231077	Đồ án tốt nghiệp (May)	5				
Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp							
38.2	231177	Trang phục truyền thống	3				
38.3	231163	Quản lý đơn hàng	2				